TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2023
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đăng Tỉnh và ông Lê Như Nghi.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu H** - sinh năm 1988; Hộ khẩu thường trú: thôn T, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: thôn T, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh M** - sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* **Ngân hàng S – Phòng giao dịch huyện A**. Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành T - sinh năm 1978 – chức vụ Phó giám đốc, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 18/8/2017. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc nhưng từ năm 2019, anh chị xảy ra mâu thuẫn do anh M hay nhậu nhẹt và đánh vợ. Anh M hay cãi vã với chị vì chị không có việc làm do

đang nuôi con nhỏ chưa được 1 tuổi. Chị và anh M không còn sống chung từ năm 2019 đến nay. Anh chị không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Trong thời gian hôn nhân chị và anh M có 01 con chung tên Nguyễn Thanh V – sinh ngày 13/11/2017. Cháu V hiện đang sống cùng chị, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu V. Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ngân hàng S - phòng giao dịch huyện A 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) mục đích vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của Ngân hàng S – Phòng giao dịch huyện A: anh M đồng ý trả nợ gốc và lãi phát sinh. Ngày 17/4/2023 anh M đã trả xong khoản nợ này nên chị rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung.

Theo tài liệu có tại hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Thanh M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian hôn nhân của anh và chị H. mâu thuẫn giữa anh và chị H là không tin tưởng nhau, hai bên bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã và hiện tại anh và chị H không còn sống chung với nhau. Chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh thống nhất với chị H về con chung, anh và chị H có 01 con chung tên Nguyễn Thanh V – sinh ngày 13/11/2017. Cháu V hiện đang sống cùng chị H. Anh đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị H, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Đối với khoản nợ vay của Ngân hàng S – Phòng giao dịch huyện A 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), mục đích vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn anh tự nguyện trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định pháp luật. Anh không yêu cầu chị H phải cùng trả nợ.

Tại đơn yêu cầu độc lập và đơn đề nghị xét xử vắng mặt của Phòng giao dịch huyện A, ông Nguyễn Thành T trình bày: Hộ chị Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Thanh M có vay vốn tại Phòng giao dịch huyện A số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo sổ vay vốn số 7087147565, mục đích vay: nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, thời hạn vay 60 tháng. Kể từ ngày 10/4/2018, hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/4/2023. Lãi phát sinh tính đến ngày 04/4/2023 là 2.721.597đ (Hai triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm chín mươi bảy đồng). Tuy chưa đến hạn trả nợ cuối cùng nhưng giữa anh M và chị H đang khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án có liên quan đến nợ chung nên đề nghị Tòa án buộc anh M, chị H phải có nghĩa vụ trả khoản nợ này theo hợp đồng (ngày 10/4/2023).

Ngày 17/4/2023, anh Nguyễn Thanh M đã trả xong khoản nợ nói trên nên Phòng giao dịch huyện A rút đơn yêu cầu độc lập đối với khoản nợ này.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H. Về hôn nhân: chị H được ly hôn với anh M. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh V – sinh ngày 13/11/2017 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với khoản nợ 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo sổ vay vốn số 7087147565 vì đã trả nợ xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh M. Bị đơn có hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị H và anh M xảy ra mâu thuẫn, chị H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 18/8/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị H đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không quan tâm, không tin tưởng lẫn nhau, chị H và anh M không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử thấy giữa chị H và anh M không tìm được tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: chị H và anh M có 01 con chung tên Nguyễn Thanh V – sinh

ngày 13/11/2017, anh M cũng thống nhất nhường quyền nuôi con cho chị H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đương sự giao cháu V cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đối với khoản nợ 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo sổ vay vốn số 7087147565, mục đích vay: nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, thời hạn vay 60 tháng. Ngày 17/4/2023, anh Nguyễn Thanh M đã trả xong khoản nợ nói trên nên Phòng giao dịch A đã rút đơn yêu cầu độc lập đối với khoản nợ này, chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung. Vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh M.

* Về con chung : giao cháu Nguyễn Thanh V – sinh ngày 13/11/2017 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về Tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với khoản nợ 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo sổ vay vốn số 7087147565 vì đã trả nợ xong.

* Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền

số 0003902, ngày 04/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Phú Yên. Chị H đã nộp đủ.

* Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ; Án Văn.

Lê Thị Xuân Hương